TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **30/**2021/HS-PT
Ngày: 29 - 3 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Quang**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Sanh Hiền**

Ông **Trương Ngọc Hồng**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Trương Thị Quý** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang*** tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Tuyết Nhung** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2021/TLPT-HS ngày 05 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo Huỳnh Văn D, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 203/2020/HS-ST ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Bị cáo có kháng cáo:

Huỳnh Văn D, sinh năm 1983, tại R, Kiên Giang; Nơi cư trú: Số 268 đường T, khu phố T, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Cao T và bà Bùi Thị T; vợ Nguyễn Thị Kim D (đã ly hôn), có 01 người con sinh năm 2003; tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/6/2020 cho đến nay. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 8/2017 Đỗ Quang V có quen biết với Huỳnh Văn D; do thấy D là người đang làm thuê tại công trình xây dựng cổng rào của trường trung học phổ thông Đ, thuộc phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang nên V đã hỏi thăm D về việc có quen biết ai bên ngành giáo dục để xin chuyển trường cho người em của V là Huỳnh Thị N từ huyện B về thành phố G (N và D không quen biết

nhau). Lúc đó mặc dù D không quen biết ai và cũng không có khả năng lo việc chuyển trường nhưng đã nói dối là bản thân quen biết nhiều người trong Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Kiên Giang và quen biết với hiệu trưởng trường trung học cơ sở ND; D nói là có thể lo cho N về công tác giảng dạy tại trường trung học cơ sở ND với điều kiện là V phải đưa cho D 120.000.000 đồng và phải đưa trước 60.000.000 đồng thì V đồng ý. Tiếp đó trong khoảng thời gian từ tháng 9/2017 đến khoảng tháng 11/2017 V đã đưa tiền cho D 03 lần, cụ thể: lần 01 đưa 60.000.000 đồng, lần 02 đưa 2.000.000 đồng cùng tại nhà của V ở địa chỉ số E6-39 đường T, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; lần 03 đưa 30.000.000 đồng tại quán cà phê ở đường U, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; tổng cộng D đã nhận của V số tiền là 92.000.000 đồng (trong đó 70.000.000 đồng là tiền của N đưa cho V; 22.000.000 đồng là tiền của V). Số tiền đã nhận D tự tiêu xài cá nhân hết chứ không lo việc chuyển trường cho N như đã thoả thuận với V.

Đến khoảng tháng 5/2018, biết V không xin chuyển trường cho mình được nên N đã yêu cầu V trả lại 70.000.000 đồng và V đã trả lại cho N số tiền này. Sau đó, V nhiều lần tìm D để yêu cầu trả lại 92.000.000 đồng nhưng D không trả mà tìm cách trốn tránh. Ngày 20/8/2019 V đã trình báo vụ việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố G.

Ngày 18/11/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố G ra quyết định khởi tố vụ án hình sự; khởi tố bị can và ra lệnh bắt tạm giam để điều tra nhưng bị cáo bỏ trốn. Đến ngày 25/6/2020 bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã và tạm giam đến nay.

Vật chứng thu giữ được trong vụ án: Tiền Việt Nam 50.000.000 đồng do bị cáo tự nguyện giao nộp.

Xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố G đã trả lại cho người bị hại Đỗ Quang V số tiền 50.000.000 đồng.

*** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 203/2020/HS-ST ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Văn D - 01 (một) năm tù** về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù được tính từ ngày 25/6/2020.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, báo quyền kháng cáo theo luật định.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31 tháng 12 năm 2020 bị cáo Huỳnh Văn D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

* Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Văn D thừa nhận Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng tội và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật. Xét kháng cáo của bị cáo thấy rằng, cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt 01 năm tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có cung cấp thêm Giấy Tổ quốc ghi công của Liệt sĩ Bùi Văn T, Huân chương kháng chiến của liệt sĩ Bùi Văn E nhưng không có chứng cứ chứng minh mối quan hệ của liệt sĩ với mẹ bị cáo nên không chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm:

Vào khoảng tháng 8/2017 Huỳnh Văn D đã thoả thuận với bị hại Đỗ Quang V về việc bị cáo sẽ đứng ra xin chuyển nơi công tác cho một người tên Huỳnh Thị N từ một trường trung học cơ sở ở huyện AB về làm tại trường trung học cơ sở ND tại thành phố G, tỉnh Kiên Giang, điều kiện là V phải đưa cho bị cáo số tiền 120.000.000 đồng. Để tạo sự tin tưởng của V thì bị cáo đã nói dối là bản thân quen biết nhiều người trong Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kiên Giang và quen biết với hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở ND, cho nên V đã đồng ý. Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2017 đến khoảng tháng 11/2017 bị hại V đã đưa tiền cho bị cáo 03 lần, tổng cộng là 92.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền xong, bị cáo không liên hệ xin việc cho Huỳnh Thị N như đã hứa hẹn mà tự tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, V nhiều lần tìm bị cáo để yêu cầu trả lại tiền nhưng bị cáo trốn tránh. Bị cáo có ý thức muốn chiếm đoạt tài sản của người bị hại, nên đã đưa ra các thông tin không đúng sự thật để tạo lòng tin cho người bị hại, nhằm chiếm đoạt tiền của bị hại để tiêu xài cá nhân. Do đó, hành vi của bị cáo D đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự như cấp sơ thẩm

đã xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. HĐXX xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo; áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo mức án 01 năm tù dưới khung hình phạt là phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có cung cấp thêm chứng cứ là Huân chương kháng chiến của Liệt sĩ Bùi Văn E và Giấy Tổ quốc ghi công của Liệt sĩ Bùi Văn T, đều có mối quan hệ là cậu ruột của bị cáo; thể hiện gia đình bị cáo là những người có công với cách mạng đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương, Tổ quốc ghi công...nên đây được xem là những tình tiết mới mà cấp sơ thẩm chưa xem xét. Vì vậy, nghĩ nên cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự làm tình tiết giảm nhẹ thêm cho bị cáo là phù hợp. Do đó, kháng cáo của bị cáo là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận, giảm nhẹ thêm cho bị cáo một phần hình phạt. Xét thấy thời gian tạm giam của bị cáo cũng đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời thể hiện được tính khoan hồng của pháp luật nước ta.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có phần hơi nghiêm cũng như chưa xem xét thêm tình tiết mới mà bị cáo đã cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm, như nhận định trên của HĐXX. Vì vậy, quan điểm đề nghị này của Vị đại diện Viện kiểm sát không được HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Văn D.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 203/2020/HS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

**** Xử phạt:*** Bị cáo **Huỳnh Văn D** - ***09 (Chín) tháng 04 (bốn) ngày tù*** về tội **"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"**, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25/6/2020, đến ngày hôm nay bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên trả tự do ngay tại tòa cho bị cáo Huỳnh Văn D, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án số: 203/2020/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang, không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra thành phố (1)
- VKSND thành phố (1)
- TAND thành phố (1)
- THA hình sự thành phố (1)
- CC THADS thành phố (1)
- Bị cáo (1);
- Lưu (7).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Quang